TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Hải Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thành

2. Ông Vũ Đức Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà –Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 09-10-2019 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1987. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức M - sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố Yi, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2019, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với Anh Hoàng Đức M ngày 13-5-2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Yi, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh M chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, đến khoảng năm 2018, 2019 thì mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh M không thay đổi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Hoàng Đức M.

Về nuôi con chung: Chị và anh M có hai con chung là Hoàng Đức H, sinh ngày 03-11-2008 và Hoàng Đức N, sinh ngày 07-8-2015. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam, để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21-10-2019 và biên bản hòa giải ngày 22-10-2019, bị đơn Anh Hoàng Đức M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như Chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh M đi làm xa, thường xuyên vắng nhà nên không tin tưởng sự chung thủy của vợ, thường xuyên ghen tuông. Vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chưa được. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh M xác nhận anh chị có hai con chung như Chị H đã trình bày. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ nhưng anh M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tung dân sự. Bị đơn, Anh Hoàng Đức M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh Hoàng Đức M đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải (lần 2) nhưng vắng mặt không có lý do.

Anh Hoàng Đức M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Anh Hoàng Đức M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13-5-2008 tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, do đó quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh M là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị H và anh M đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn. Anh chị đã nhiều lần hòa giải, được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Nhưng anh chị không thỏa thuận được, Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh M đã hết, chị kiên quyết đề nghị giải quyết ly hôn. Anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng anh M vắng mặt không có lý do, thể hiện anh M không có thiện chí hòa giải. Từ đó, có căn cứ để cho rằng tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu giải quyết ly hôn của Chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh M xác nhận có hai con chung là Hoàng Đức H, sinh ngày 03-11-2008 và Hoàng Đức N, sinh ngày 07-8-2015.

Xét thấy Chị H, anh M đều có quyền, nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Huy có nguyện vọng được ở cùng Chị H, tuy nhiên, cháu đã lớn, có một phần khả năng tự chăm sóc bản thân, cháu Nam còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung và để phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh M, Chị H, cần giao cháu Hoàng Đức N cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Đức H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Do mỗi bên nuôi một con, anh M, Chị H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 217, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Hoàng Đức M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Đức N sinh ngày 07-8-2015 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Đức H sinh ngày 03-11-2008 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị H, anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005142 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh M không phải chịu án phí.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp. Yên Bái;
- UBND p. Đồng Tâm, TP. Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**